

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2019/HS-ST**
Ngày 22/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khắc Viện và bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2019/TLST-HS ngày 10/7/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HS ngày 12/8/2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn N, sinh ngày 30/6/1977 tại huyện S, Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân H (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956; vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1978; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 20/5/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, huyện S ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn A, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn B, sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn A, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trương Minh T, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Anh Trương Minh T, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên

Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/6/2019 Phạm Văn N đi bộ từ nhà đến khu vực chợ X thuộc thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Khi đi N cầm theo 01 chiếc tuốc nơ vít (dài 17 cm, phần chuôi bằng nhựa màu xanh, dài 08 cm) và 01 chùm chìa khóa gồm 02 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực chợ X, N đi vào trong chợ đến khu vực bãi để xe giáp bờ hồ, N quan sát thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển kiểm soát 22K2-3392 của chị Nguyễn Thị T dựng tại khu vực bãi để xe không có người trông coi, quản lý. N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của chị T để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. N dùng 01 chìa khóa (trong chùm chìa khóa 02 chìa) mà nghị đem theo từ trước cắm vào ổ khóa điện xe của chị T, xoay chìa khóa theo chiều kim đồng hồ và mở được ổ khóa. Sau đó N ngồi lên xe mô tô điều khiển đi được 03 đến 04 mét thì bị người dân phát hiện và bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 22K2-3392, số máy 08E-0818639, số khung 08085Y818539, màu sơn nâu. Giá trị tại thời điểm trộm cắp là 3.400.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Bị hại chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 74/CT-VKSND ngày 09/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự
- Xử phạt Phạm Văn N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/6/2019.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo, xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân

dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Kết luận định giá tài sản, biên bản sự việc, biên bản xác minh hiện trường, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/6/2017 Phạm Văn N đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển kiểm soát 22K2-3392 của chị Nguyễn Thị T. Giá trị tài sản trộm cắp là 3.400.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[4] Về mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức lờn cố ý trực tiếp, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với mục đích vụ lợi. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc tuốc nơ vít (dài 17 cm, phần chuôi bằng nhựa màu xanh, dài 08 cm) và 01 chùm chìa khóa gồm 02 chìa, phần đầu chìa khóa được bọc bằng nhựa màu đen, trên thân có chữ Honda là tang vật của vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

* *Tuyên bố:* Bị cáo Phạm Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

* *Xử phạt:* Bị cáo Phạm Văn N **08** (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/6/2019.

* *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc tuốc nơ vít (dài 17 cm, phần chuôi bằng nhựa màu xanh, dài 08 cm) và 01 chùm chìa khóa gồm 02 chìa, phần đầu chìa khóa được bọc bằng nhựa màu đen, trên thân có chữ Honda.

* *Về án phí :* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

Bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;;
- UBND xã V;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Quỳnh